

VIỆN TÂM LÝ HỌC - 15 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1989 - 2004) (Tiếp theo số 6/2004)

ĐỖ LONG*

Một số nghiên cứu của các cá nhân.

Trong một số năm trở lại đây, các công trình nghiên cứu cá nhân của riêng mỗi tác giả trong Viện xuất hiện ngày một nhiều, tuy là công trình chung của nhóm tác giả nhưng dấu ấn cá nhân của mỗi nhà nghiên cứu lại thể hiện khá đậm nét.

TS. Lê Thanh Hương trong nghiên cứu "*Động cơ thành đạt của cán bộ nghiên cứu khoa học xã hội*" đã khẳng định: trong quan niệm về thành đạt các cán bộ nghiên cứu khoa học xã hội thường đánh giá cao các giá trị xã hội, uy tín và sự tôn trọng từ phía các đồng nghiệp, sau đó mới đến tính sáng tạo và khả năng cống hiến của bản thân mình.

"*Tính tích cực nghề nghiệp của công chức: Một số nhân tố ảnh hưởng*" là cuốn sách được một nhóm tác giả thực hiện và chủ biên là TS. Lê Thanh Hương. Kết quả nghiên cứu thực tiễn đã được khẳng định và nêu lên thành những ý tưởng lớn là:

1. Niềm tin và hứng thú nghề nghiệp là những nhân tố chủ quan có tác động khá mạnh mẽ đến tính tích cực làm việc của con người. Những

người tin vào tương lai phát triển ngành chuyên môn, tự tin vào bản thân, vào công bằng xã hội và say mê, hứng thú với lĩnh vực chuyên sâu của mình thường có xu hướng tích cực hơn trong công việc. Trong những nhân tố nêu trên thì ba nhân tố sau cùng có ảnh hưởng mạnh nhất, đặc biệt là khi chúng kết hợp tác động với nhau. Vì vậy, trong quản lý nhân sự cần đặc biệt chú ý nuôi dưỡng và củng cố những nhân tố này nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của công chức.

2. Định hướng giá trị nghề nghiệp của con người được thể hiện ở những cấp độ khác nhau. Trong những điều kiện như hiện nay, nhìn chung ở cấp độ nhận thức và cấp độ mong muốn, định hướng giá trị của công chức thiên về những giá trị có ý nghĩa xã hội hơn những giá trị có ý nghĩa cá nhân. Song ở cấp độ hoạt động thực tiễn lại có xu hướng ngược lại. Những khác biệt này cho thấy rằng đã đến lúc cần thiết phải cải thiện môi trường sống của công chức để họ yên tâm phấn đấu trong nghề, đem lại nhiều giá trị thiết thực cho xã hội.

*GS.TS, Viện trưởng Viện tâm lý học.

3. Cải thiện môi trường làm việc cũng sẽ là một giải pháp tốt để nâng cao niềm tin, hứng thú làm việc và mức nỗ lực trong hoạt động nghề nghiệp của công chức.

Th.s. Phan Thị Mai Hương qua nghiên cứu "*Đặc điểm nhân cách và hoàn cảnh xã hội của thanh niên nghiện ma túy và mối tương quan của chúng*" cho rằng nguyên nhân nghiện ma túy là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố: đặc điểm nhân cách của mỗi cá nhân và hoàn cảnh xã hội mà cá nhân đó trải nghiệm. Sự kết hợp của 2 yếu tố này bị quy định bởi tính đặc thù của từng nhóm xã hội. Chúng có vai trò như nhau trong sự tác động đến mức độ nghiện ngập ở các con nghiện.

"*Cách ứng phó của trẻ vị thành niên trong những hoàn cảnh khó khăn*" là đề tài nghiên cứu do TS. Phan Thị Mai Hương và các cộng sự thực hiện. Đây là một vấn đề mang tính thực tiễn cao và rất cần thiết trong bối cảnh xã hội có nhiều biến đổi như hiện nay. Kết quả nghiên cứu của các tác giả cho thấy một số đặc điểm ứng phó của trẻ em trong các hoàn cảnh khó khăn như sau: Thứ nhất, *có những cách ứng phó mang tính ổn định, được trẻ sử dụng với mức độ như nhau trong nhiều tình huống khác nhau. Bên cạnh đó cũng có những cách ứng phó mang tính hoàn cảnh, thường được sử dụng với những mức độ khác nhau trong một số tình huống nhất định. Tính chất ổn định hay biến đổi của các cách ứng phó khác nhau trong những hoàn cảnh khác nhau cũng đã được phát hiện trong các nhóm trẻ khác nhau. Và nhìn chung, trẻ có xu hướng ứng phó bằng hành động nhiều hơn so*

với các kiểu ứng phó mang sắc thái tình cảm và ứng phó trong suy nghĩ. Kiểu ứng phó bằng suy nghĩ được sử dụng ít nhất. Thứ hai, nghiên cứu cho thấy *hoàn cảnh sống, lứa tuổi và giới tính có chi phối đến cách ứng phó của trẻ. Tuy nhiên, sự tác động này có mức độ khác nhau tùy theo từng nhân tố. Hoàn cảnh sống có tác động mạnh hơn đến cách ứng phó của trẻ so với nhân tố lứa tuổi và giới tính. Tiếp theo đó là ảnh hưởng của giới tính và cuối cùng là lứa tuổi.* Thứ ba, *nghiên cứu đã chứng minh rằng cách ứng phó của trẻ chịu ảnh hưởng của cả đặc điểm nhân cách (sự đồng cảm, tính lạc quan, sự tự tin vào bản thân, niềm tin vào tương lai, tinh thần trách nhiệm, tính tự chủ) và cả hoàn cảnh xã hội mà trẻ đang trải nghiệm (chỗ dựa xã hội, sự trải nghiệm các biến cố trong cuộc sống, mức độ thành công). Trong đó, quan trọng hơn cả là chỗ dựa xã hội (gia đình, bạn bè và thầy cô), sự đồng cảm với người khác, tinh thần lạc quan và tự tin. Nhờ có chỗ dựa xã hội vững chắc; có niềm tin vào tương lai, vào khả năng nhận thức của bản thân; cái nhìn tích cực đối với cuộc sống, có mục đích sống và lối suy nghĩ hiệu quả, trẻ sẽ có cách ứng phó tích cực, vượt qua khó khăn để vươn lên.*

TS. Văn Thị Kim Cúc đã nghiên cứu "*Những biểu tượng của cha mẹ về trí thông minh của con mình*" trong mối quan hệ với đặc điểm văn hóa xã hội, thái độ và cách thức giáo dục. Và đã chỉ ra tính chất đa dạng và phong phú của các biểu tượng nêu trên, cũng như sự gắn kết của chúng với hoàn cảnh xã hội đặc thù, với thái độ và cách thức giáo dục ở các bậc cha mẹ Việt Nam.

Công trình "Những tổn thương tâm lý thiếu niên do bố mẹ ly hôn" do TS. Văn Thị Kim Cúc chủ biên và các cộng sự Đỗ Ngọc Khanh, Nguyễn Thị Hoa, Mai Thị Việt Thắng, Đỗ Lệ Hằng thực hiện. Từ những kết quả nghiên cứu, các tác giả đã đi sâu phân tích những vấn đề lớn như:

1. Tổn thương nhận thức và tình cảm thường rất đa dạng, xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau ở thiếu niên có bố mẹ ly hôn: lo hãi, mất lòng tin, quan niệm lệch lạc về giá trị của gia đình, của người bố, người mẹ...

2. Thiếu niên có bố mẹ ly hôn tự đánh giá về "cái tôi" thấp hơn so với các em lớn lên trong gia đình bình thường, làm cho các em, một mặt khó thích nghi với môi trường xã hội và mặt khác dẫn các em đến chỗ tự đánh giá cao hơn "cái tôi thể chất" như một cơ chế bù trừ nhằm thiết lập sự cân bằng tình cảm đã bị tước đoạt do ly hôn của bố mẹ gây ra. Ảnh hưởng tiêu cực của ly hôn còn bộc lộ ở "cái tôi học đường" và "cái tôi cảm xúc" của trẻ.

3. Trong cuộc sống đời thường, so với các em ở gia đình bình thường, thiếu niên có bố mẹ ly hôn có xu hướng mạnh hơn trong việc "thích chơi với các bạn ngõ ngáo", "hay gây gổ", "tự động nghỉ học", "thích phờ trương sức mạnh", nhưng thực chất các em thường nhút nhát, thiếu tự tin hơn, non nớt hơn, đặc biệt là những em không được sống cùng bố hoặc cùng mẹ, mà phải sống với người khác sau ly hôn của bố mẹ.

4. Nếu như trẻ tại các gia đình bình thường có ý tưởng tự mình giải quyết vấn đề nảy sinh trong hoàn cảnh khó khăn, thì trẻ ly hôn có nhu cầu chia

sẻ với người khác nhiều hơn, đặc biệt là các em nữ và các em nhỏ tuổi. Mặt khác, các em có bố mẹ ly hôn có xu hướng đối phó hoàn cảnh khó khăn một cách tiêu cực hơn, nhất là các em ở độ tuổi lớn hơn.

Một lần nữa, các tác giả khẳng định: *bất cứ đứa trẻ nào sinh ra trên đời này đều cần có cả bố và mẹ, thiếu đi một trong hai người cuộc đời trẻ khó trở nên bình thường như bao cuộc đời khác.*

Th.s. Lê Văn Hào trong công trình "Những giá trị của thanh niên Việt Nam: truyền thống, kế tiếp và thay đổi trong những nhìn nhận về gia đình, giáo dục, giải trí và cộng đồng" đã nhận định: Thanh niên Việt Nam đang trưởng thành trong một xã hội có nhiều biến đổi; nhưng, họ vẫn theo đuổi những giá trị truyền thống qua thái độ, niềm tin và hành vi. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự biến đổi đáng kể về giá trị biểu hiện qua những xung đột giữa thanh niên và cha mẹ.

Một công trình nghiên cứu với một phạm vi rộng lớn được một nhóm tác giả tiến hành trong 3 năm gần đây là "Tính cộng đồng - tính cá nhân và khái niệm "cái tôi" của thanh niên hiện nay" do PGS.TS. Đỗ Long và Th.s. Phan Thị Mai Hương đồng chủ biên với sự tham gia của một số tác giả trong Viện.

Th.s. Lã Thu Thủy đã kết luận: Quan hệ giữa tính cá nhân - tính cộng đồng trong khái niệm "cái tôi" thể hiện trong sự đan xen với nhau qua các câu trả lời của sinh viên. Tuy nhiên, tính cá nhân được nhắc đến nhiều hơn, trong khi đó tính cộng đồng - đặc biệt trong nhóm nhỏ - lại ít được đề cập.

NCV Nguyễn Thị Hoa đã nhận xét: Tính cộng đồng và tính cá nhân của thanh niên thể hiện qua hoạt động thực tế và qua định hướng giá trị, nhưng qua định hướng giá trị cao hơn và rõ hơn. Tính cá nhân đã xuất hiện, nhưng vẫn còn mờ nhạt. Sự khác nhau của tính cộng đồng và tính cá nhân tùy thuộc vào sự khác nhau về giới, nhóm, dân tộc và vùng miền, nơi mà thanh niên hiện nay đang sống và làm việc.

NCV Lưu Song Hà đã nhận định: Ứng xử của thanh niên hiện nay mang tính cộng đồng hay cá nhân, bình đẳng hay có thứ bậc đều phụ thuộc vào từng tình huống cụ thể, nó cũng chịu sự chi phối của văn hóa truyền thống. Trong ứng xử của thanh niên, ngoài tính cộng đồng, còn có tính cá nhân. Tuy nhiên, tính cá nhân vẫn bị che khuất bởi sự bao trùm của tính cộng đồng do văn hoá truyền thống để lại.

NCV Đỗ Ngọc Khanh đã nhấn mạnh: Sự tùy thuộc vào hoàn cảnh trong hành động của thanh niên hiện nay thể hiện ở cách ứng xử chủ động hay chịu tác động. Trong các nhóm xã hội khác nhau, thanh niên có cách ứng xử khác nhau. Trong nhóm gia đình và bạn thân thì hành động của thanh niên chịu sự tác động của những người xung quanh nhiều hơn so với các nhóm khác.

Nghiên cứu đề tài: *"Tìm hiểu sự đánh giá của xã hội về vị thế và nhân cách các chủ doanh nghiệp tư nhân hiện nay ở Hà Nội"*, Th.s. Nguyễn Thị Lan và cộng sự đã rút ra một số kết luận:

1. Vị thế xã hội, năng lực kinh doanh và đạo đức kinh doanh của các chủ doanh nghiệp tư nhân (DNTN) nhìn chung mới chỉ được người dân ghi nhận

ở mức trung bình. Các chủ DNTN được người dân đánh giá tích cực hơn trước hết ở vai trò và công lao đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội, ở uy tín và sự kính trọng đối với họ. Về năng lực kinh doanh (NLKD) của các chủ DNTN, người dân đánh giá cao hơn cả là sự nhạy bén và thích ứng nhanh với thông tin trên thị trường và tiếp đó là học hỏi và ứng dụng tri thức, quản trị và giao tiếp, và sau đó mới là khả năng tính toán và xây dựng chiến lược kinh doanh. Khả năng cạnh tranh chỉ được người dân nhìn nhận ở mức trung bình yếu.

2. Về đạo đức kinh doanh (ĐĐKD) của các chủ DNTN, thái độ của họ đối với bản thân được đánh giá ở mức trung bình khá, thái độ đối với xã hội chỉ được nhìn nhận ở mức trung bình yếu. Các khía cạnh ĐĐKD khác như đối với bạn hàng và người tiêu dùng, đối với người lao động trong doanh nghiệp được đánh giá ở mức trung bình.

3. Những đánh giá của người dân về vị thế xã hội, NLKD và ĐĐKD chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau như quan niệm của họ về thành phần kinh tế tư nhân và những kinh nghiệm mà họ thu nhận được từ thực tiễn cuộc sống. Trong số đó thì cách nhìn nhận của họ về nghề kinh doanh, kinh nghiệm sử dụng các loại sản phẩm, dịch vụ của các DNTN và kinh nghiệm họ thu nhận được từ việc tổ chức kinh doanh là những nhân tố có ý nghĩa hơn cả.

4. Ở cấp độ nhận thức, thái độ của phần lớn người dân thể hiện qua sự nhìn nhận tích cực và tin tưởng vào truyền thống và khả năng kinh doanh

của người Việt Nam nói chung, vào những cơ hội và lợi ích mà các DNTN có thể gặt hái được khi tham gia hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, vào ý chí của cá nhân đem lại thành công trong hoạt động kinh doanh.

5. Ở cấp độ hành vi, thái độ ủng hộ của xã hội đối với phát triển KTTN và đội ngũ chủ DNTN thể hiện qua việc phần lớn người dân *sẵn sàng sử dụng sản phẩm của bất cứ doanh nghiệp nào*, miễn là phù hợp với yêu cầu. Người ta sẵn sàng đầu tư tiền của cho hoạt động kinh doanh tư nhân dưới hình thức tự mình đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn để cùng sản xuất - buôn bán, sẵn sàng liên kết với các đối tác kinh doanh bất kỳ, không kể họ là nhà nước, tư nhân hay nước ngoài, sẵn sàng cho con cái làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân và làm nghề kinh doanh tư nhân.

Về tư vấn và ứng dụng tâm lý học. Đây là hướng nghiên cứu mới của Viện Tâm lý học, song nó đang hứa hẹn một tương lai tốt đẹp. Bởi lẽ, trong đời sống xã hội hiện nay, sự biến đổi về kinh tế - xã hội đã dẫn đến nhiều biến đổi tâm lý của người dân, trong đó có những biến đổi tâm lý theo chiều hướng tiêu cực. Hiện tượng stress (căng thẳng thần kinh), rối nhiễu hành vi, hành vi lệch chuẩn... có xu hướng ngày càng tăng ở tất cả các lứa tuổi, đặc biệt là ở thanh thiếu niên. Do vậy, nhu cầu tư vấn và trị liệu tâm lý đã trở thành nhu cầu lớn của nhân dân. Xuất phát từ đòi hỏi này của xã hội, Viện Tâm lý học sẽ và đang tiến hành thành lập Trung tâm Tư vấn và Trị liệu tâm lý. Việc thực hiện hướng nghiên cứu này thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ về kỹ năng tư vấn và trị liệu. Viện Tâm lý học đã kết hợp với Trường Tâm lý học thực hành Pari tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng về tư vấn và trị liệu tâm lý cho các cán bộ của Viện trong mấy năm gần đây. Ngoài ra, Viện còn mời một số nhà tâm lý học của Mỹ, Úc, Singapo đến trao đổi về các vấn đề này.

- Bước đầu chữa trị cho một số ca rối nhiễu tâm lý và tư vấn một số vấn đề tâm lý mà khách hàng yêu cầu. Chính qua thực tiễn hoạt động này mà kỹ năng thực hành của các cán bộ tăng lên rõ rệt.

- Kết hợp với Bệnh viện Đống Đa, Bệnh viện Bạch Mai, Viện Sức khỏe Tâm thần TW... cán bộ của Viện đã tiến hành trị liệu tâm lý cho nhiều ca đạt kết quả tốt. Một số cán bộ của Viện tham gia tư vấn tâm lý thông qua dịch vụ điện thoại 1080 đã có những kết quả khả quan và bước đầu tích lũy được các kinh nghiệm tư vấn.

Về Tạp chí "Tâm lý học". Từ năm 1996, tạp chí "Tâm lý học" của Viện đã chính thức ra mắt bạn đọc. Đây là tạp chí chuyên ngành duy nhất của giới tâm lý học nước nhà, là diễn đàn khoa học tâm lý không chỉ của Viện Tâm lý học, mà là diễn đàn chung của giới tâm lý học Việt Nam. Tạp chí đã đăng tải các kết quả nghiên cứu lý luận, các thành tựu nghiên cứu thực tiễn và ứng dụng tâm lý học của rất nhiều tác giả trong và ngoài Viện, đã giới thiệu các thành tựu về lý thuyết, về phương pháp, về sự hình thành và phát triển tâm lý học của nhiều nước trên thế giới hiện nay. Từ 4 số/ năm (1996), tạp chí đã xuất bản 6 số (1998) tiến lên 9 số (2001)

và từ đó đến nay là 12 số/ năm. Hội nghị cộng tác viên của tạp chí được tổ chức hàng năm. Nhờ vậy, tạp chí được các cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy hợp tác chặt chẽ, được đánh giá cao. NCS, SV tâm lý học nhận xét tạp chí là tài liệu tham khảo bổ ích cho hoạt động của mình bởi các chuyên mục ngày thêm đa dạng, đề tài ngày thêm phong phú, chất lượng ngày một nâng cao. Hiện nay, tạp chí đã thu hút được nhiều độc giả ngoài giới tâm lý học.

Về tổ chức đào tạo. Từ một Ban Tâm lý học xã hội có 7 người năm 1989, sau 15 năm xây dựng và phát triển, đến nay Viện Tâm lý học đã có 30 cán bộ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu. Viện đã cử 12 cán bộ nghiên cứu đang theo học chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước, 7 người theo học chương trình tiến sỹ và 5 người theo học chương trình thạc sỹ.

Viện Tâm lý học đã được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo tiến sỹ tâm lý học từ tháng 3/1999. Hiện nay, Viện đã tổ chức tuyển sinh được 5 khoá với 35 NCS. Nhiều đồng chí trong số đó đang tích cực chuẩn bị để sớm bảo vệ luận án của mình. Trong những năm qua, Viện không chỉ quan tâm đào tạo trên đại học cho các cán bộ của Viện, mà còn rất chú trọng đào tạo về chuyên môn, đặc biệt là các phương pháp nghiên cứu bằng các hình thức đa dạng, linh hoạt. Bất cứ ai, hễ có nguyện vọng học tập, kể cả học tại chức, đều được đáp ứng một cách tốt nhất. Đào tạo ngoại ngữ, đào tạo tin học cho cán bộ cũng rất được chú ý. Hiện nay, tất cả các cán bộ của Viện đều có trình độ B ngoại ngữ (Anh hoặc Pháp) trở lên, tất cả đều biết sử dụng máy vi tính trong thực hiện các đề

tài nghiên cứu và công tác phục vụ nghiên cứu.

Về công tác thông tin thư liệu thư viện. Cùng với sự phát triển ngày một lớn mạnh của Viện Tâm lý học, là sự đóng góp một phần đáng kể của Phòng Thông tin - tư liệu - thư viện.

Nhớ lại những ngày đầu khi mới thành lập, tài liệu duy nhất của thư viện chỉ có vài tờ báo "Nhân dân", "Quân đội nhân dân". Sau đó hình thành dần một tủ sách nhờ sự quyên góp của các cán bộ trong Ban Tâm lý học và một số nhà khoa học có tâm huyết với khoa học tâm lý (như bác sĩ Lã Vĩnh Quyền v.v...). Dưới sự động viên khích lệ của đồng chí Trưởng Ban, các cán bộ trẻ đã hăng hái, nhiệt tình tìm kiếm những tài liệu về tâm lý học và những tài liệu liên quan ở những nơi nào có thể. Nhiều anh em trong Ban còn tự nguyện lấy từ tủ sách cá nhân của mình để góp vào Thư viện cơ quan. Dần dần, với nguồn kinh phí được cấp hàng năm, cùng với một số tài liệu quyên góp ban đầu, một thư viện mang tính chất chuyên ngành tâm lý bắt đầu được hình thành, phục vụ chủ yếu cho việc nghiên cứu của các cán bộ trong cơ quan.

Những năm gần đây, khi Viện Tâm lý học được một số Viện nghiên cứu, các trường đại học của các nước Phương Tây, các nước Đông Âu và một số nước trong khu vực Châu Á biết đến và hợp tác, thì Thư viện cũng có nhiều cơ hội được bổ sung nguồn tài liệu chuyên ngành. Nhờ sự giúp đỡ của các tổ chức và một số cá nhân, trong đó phải kể tới sự đóng góp quý báu của Trường tâm lý thực hành Pari và nhà tâm lý học người Mỹ - Giáo sư Knud

Larsen đã gửi tặng Thư viện Viện Tâm lý học hàng nghìn cuốn sách và hơn một nghìn cuốn tạp chí chuyên ngành tâm lý học và xã hội học có giá trị. Đến nay, kho sách của Viện Tâm lý học đã phát triển cả về số lượng và chất lượng với tổng số tài liệu có trong kho gần một vạn cuốn. Trong đó, số sách xấp xỉ 4.000 cuốn, hơn 4.000 cuốn tạp chí và các báo cáo khoa học, kết quả của các đề tài, dự án...

Với nguồn tài liệu chuyên ngành tâm lý phong phú và quý giá đó, Thư viện Viện tâm lý học đã và đang xây dựng một cơ sở dữ liệu góp phần phục vụ ngày một tốt hơn các khoa học tâm lý, xứng đáng là một thư viện đầu ngành phong phú nhất về tâm lý học của nước ta.

Về công tác hành chính tổng hợp. Trong 15 năm qua, Phòng Hành chính tổng hợp đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ được giao phó. Công tác xây dựng cơ sở vật chất được thực hiện tốt. Phương tiện máy móc được trang bị đầy đủ hơn, cơ quan khang trang, sạch đẹp hơn, điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên ngày một đầy đủ hơn, giúp cho công tác nghiên cứu khoa học đạt chất lượng ngày một cao hơn. Hiện nay, Viện có 12 phòng (gồm 10 phòng làm việc, 2 phòng dành cho thông tin - tư liệu - thư viện). Hội trường lớn hơn 500 chỗ ngồi để hội họp, hội thảo và bảo vệ luận án là trụ sở chung của ba đơn vị (Viện Tâm lý học và 2 Viện Nghiên cứu Nhật Bản và Nghiên cứu Trung Quốc) cũng được Viện Tâm lý học bảo quản tốt.

Hiện Viện Tâm lý học có 13 máy vi tính, 3 máy in laser, 1 máy in

kim, 2 máy photocopy. Viện có 3 máy chuyên dụng để đo các chỉ số tâm sinh lý phục vụ hoạt động thực nghiệm tâm lý. Các cơ sở vật chất khác của Viện được trang bị tương đối tốt, đảm bảo cho các hoạt động chung của Viện.

Về tài chính, Phòng đã giúp lãnh đạo Viện quản lý và theo dõi việc sử dụng kinh phí do Viện Khoa học xã hội Việt Nam cấp. Cung ứng đầy đủ, kịp thời số lượng tiền mặt cần thiết cho các hoạt động của Viện theo đúng khoản mục. Bảo đảm thu, chi đủ, đúng, thanh quyết toán các khoản thu, chi theo đúng quy định của Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Quản lý tốt tiền mặt, thanh quyết toán kịp thời, thực hiện đầy đủ những quy định quản lý và sử dụng tiền mặt.

Với tất cả những thành tích nêu trên, nhân kỷ niệm 10 năm thành lập Viện Tâm lý học đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng III. Là một Viện nghiên cứu khoa học với 4/5 là chị em phụ nữ, công tác nữ đã được đặc biệt chú ý, chị em đã hoàn thành xuất sắc công việc cơ quan và công việc gia đình. Từ các đề tài nghiên cứu đến việc nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc... tất cả đều được thực hiện một cách tốt đẹp trong một bầu không khí lành mạnh, đoàn kết, tương trợ. Năm 2003, tập thể nữ của Viện Tâm lý học là một trong hai đơn vị của cả nước được nhận giải thưởng của Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

III. MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH CHUNG

1. Quá trình xây dựng Viện Tâm lý học là quá trình phát triển về tổ chức. Những cán bộ đầu tiên được tập

hợp lại để hình thành Ban Tâm lý học xã hội là những người được đào tạo cho hoạt động nghiên cứu từ các Viện Triết học và Viện Xã hội học. Tất cả cán bộ trẻ được tuyển chọn cho Ban Tâm lý học xã hội đều đã tốt nghiệp các khoa tâm lý học của các trường đại học ở ngoài nước và trong nước. Dù ít ỏi về số lượng, non trẻ về tuổi đời, tuổi nghề, nhưng tất cả đã có sự thống nhất cao về định hướng giá trị. Đó là nghiên cứu tâm lý học để phụng sự cho sự phát triển của đất nước, của con người. Đó cũng là lý tưởng sống, là ý nghĩa của cuộc sống, mà mỗi người vẫn tiếp tục kiên trì cho đến hôm nay và sau này.

2. Từ sự thống nhất về định hướng giá trị đã đưa đến một sự đoàn kết nhất trí trong cơ quan giữa cán bộ cũ và cán bộ mới, giữa người trực tiếp làm công tác nghiên cứu và người gián tiếp phục vụ nghiên cứu, giữa người quản lý và cấp dưới, giữa các đồng chí đảng viên trong chi bộ với nhau, giữa họ với toàn thể anh chị em trong cơ quan. Không khí đoàn kết bao trùm lên mọi hoạt động và sinh hoạt của Viện, chia ngọt sẻ bùi, cùng nhau khắc phục khó khăn, giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu dù đó là đề tài chung của toàn Viện, của từng phòng hay của từng cá nhân.

3. Thống nhất định hướng giá trị và đoàn kết nhất trí là những cơ sở đầu tiên và bao giờ cũng là những bảo đảm cần thiết để tiến hành mọi lĩnh vực hoạt động, trong đó có hoạt động nghiên cứu khoa học. Dù còn non trẻ về tuổi nghề, về thâm niên công tác, hiểu biết còn hạn chế về thực tiễn cuộc sống, dù ít ỏi về số lượng và non yếu về chất lượng, nhưng ngay sau khi vừa thành

lập, các phương hướng nghiên cứu đã được xác định, các đề tài nghiên cứu đã được triển khai. Để bù đắp cho những thiếu hụt trên, việc tổ chức nghiên cứu đã được tính toán cụ thể. Lúc đầu, một đề tài đều do toàn Viện thực hiện, dù đó là nghiên cứu cơ bản hay nghiên cứu thực tiễn, là nghiên cứu lý luận hay nghiên cứu ứng dụng, là phổ biến tri thức hay quảng bá thông tin... đều do nhiều người trong cơ quan cùng làm.

4. Sự phát triển của Viện Tâm lý học trong 15 năm qua gắn liền với quá trình phấn đấu liên tục của cán bộ nghiên cứu trong Viện. Nhờ tinh thần say sưa học tập về chuyên môn, về ngoại ngữ, về phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong 3 lĩnh vực lý luận, thực nghiệm và ứng dụng, cán bộ của Viện đã có sự trưởng thành vượt bậc. Tất cả các đề tài đều ghi nhận những công sức và đóng góp xứng đáng của anh chị em cán bộ - công chức của Viện. Học tập tốt để nghiên cứu tốt, học tập qua sách vở, qua thực tiễn, qua kinh nghiệm của những người đi trước và kết quả học tập đã thể hiện rất rõ trong các luận án và luận văn đã bảo vệ, đã công bố trong các công trình nghiên cứu chung của Viện, của phòng và của từng cá nhân. Từ chỗ chỉ có 1 TS đến nay Viện đã có một đội ngũ cán bộ nghiên cứu đủ khả năng thực hiện các đề tài một cách độc lập với 1 GS, 1 PGS, 9 TS và 6 thạc sỹ và 12 người đang làm luận án TS và thạc sỹ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Đội ngũ cán bộ trẻ được đào tạo tốt và nhờ có tâm huyết đã cống hiến hết mình cho khoa học. Ngày nay, Viện Tâm lý học sẽ có thể thực hiện các đề tài nghiên cứu ngày một chuyên sâu hơn, có ý nghĩa lý luận và

thực tiễn to lớn hơn.

5. Sự kết hợp, phối hợp thể hiện rõ trong quan hệ giữa các bộ phận trong Viện, giữa các Viện trong Viện Khoa học xã hội Việt Nam, giữa Viện Tâm lý học với các cơ quan nghiên cứu và giảng dạy tâm lý học ở Hà Nội và các thành phố khác, giữa Viện Tâm lý học với các tổ chức quốc tế, với các quỹ của Nhật Bản, với các nhà tâm lý học của Liên Xô (cũ) và Nga, Mỹ, Trung Quốc, Pháp, Singapo, Canada, Úc, Đài Loan... Công tác hợp tác quốc tế đã có tác dụng không nhỏ trong công tác đào tạo cán bộ nói riêng, trong sự phát triển của Viện nói chung. Thể hiện rõ nhất của sự phối hợp và kết hợp này là sự cộng tác nhiệt tình qua hoạt động của tạp chí Tâm lý học. Rất nhiều bạn đồng nghiệp từ các vị lãnh đạo chủ chốt đại diện cho giới tâm lý học của nước nhà đến nghiên cứu sinh và sinh viên tâm lý học đã thường xuyên gửi bài, góp ý kiến xây dựng cho tạp chí "Tâm lý học". Không có sự phối hợp và kết hợp nói trên chắc chắn Viện sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình tự khẳng định để phát triển của mình.

6. Phương hướng hoạt động của Viện Tâm lý học, trước hết là hoạt động nghiên cứu đã được xác định đúng ngay từ những ngày đầu thành lập. Nghiên cứu cơ bản gắn liền với nghiên cứu ứng dụng. Từ các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Viện được tập thể hay từng cá nhân thực hiện đều phản ánh rõ sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, giữa cơ bản và ứng dụng, giữa trước mắt và lâu dài. Nhiều nhận định và kết luận của các công trình nghiên cứu của Viện đã được xem xét và phân tích như là những đóng góp bước đầu cho những căn cứ lý

luận làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ.

Những nhận định và kết luận của các công trình nghiên cứu cũng góp phần hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp phát hiện ra những đặc điểm tâm lý của con người Việt Nam, *những đặc điểm tâm lý của dân tộc Việt Nam trong quá khứ và trong giai đoạn hiện nay - một hướng nghiên cứu được cụ thể hóa trong từng 5 năm một*. Nhìn lại 15 năm xây dựng và trưởng thành, chúng ta có thể vững tin và có thể khẳng định rằng: Phương hướng nghiên cứu của Viện đã được xác định đúng, các lĩnh vực hoạt động khác của Viện cũng đã được thực hiện đúng. Đó là cơ sở để chúng ta tiếp tục đi lên trên con đường phát triển của Viện Tâm lý học trong đội ngũ các Viện nghiên cứu trực thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam hôm nay.

Nhìn lại mười lăm năm qua, kể từ khi thành lập Ban Tâm lý học xã hội trực thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam trước đây và ngày nay là Viện Tâm lý học trực thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Tâm lý học đã đạt được những thành tựu bước đầu đáng khích lệ. Những gì chúng ta làm được không tách rời sự lãnh đạo, quan tâm giúp đỡ của Lãnh đạo cấp trên, không tách rời sự cố gắng, nỗ lực, ý chí phấn đấu, tinh thần xây dựng của tất cả anh chị em đã và đang công tác tại Viện. Cho phép tôi thay mặt Viện Tâm lý học xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới các Đồng chí Lãnh đạo của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Trung tâm Khoa học xã hội &

(Xem tiếp trang 34)

Tiểu nhóm 2.2: Ở tiểu nhóm này học sinh thường đạt khối lượng ghi nhớ cao. Nhưng trong điều kiện ghi nhớ có giao thoa thì lập tức kết quả tái hiện "roi xuống" mức thấp, thậm chí rất thấp. Trong khi làm việc học sinh có dấu hiệu nhanh mệt mỏi, hay ngáp vặt, ngồi gục đầu xuống bàn, hay than phiền là đau đầu, nhưng khi được động viên kịp thời và sát sao học sinh cũng có thể hoàn thành được công việc đó ở mức chấp nhận được, tuy nhiên thời gian hoàn thành công việc thường kéo dài hơn từ 10-20 phút so với học sinh bình thường làm cùng công việc.

Những đặc điểm nêu trên đều có thể gặp trong các nghiên cứu về tâm lý học thần kinh (A.R. Luria, E.D. Khomxkaia và cộng sự) khi mô tả về các trường hợp bệnh lý, liên quan đến những phần trên thân não và hệ limbic - hay còn gọi là các vùng sâu thuộc dưới vỏ não.

*

* *

Có thể nhận thấy rằng, phương pháp Luria - 90 nghiên cứu trên học sinh TĐGCY, dưới góc độ tâm lý học thần kinh đã đưa ra những hình ảnh lâm sàng tỉ mỉ, đầy đủ về khách thể nghiên cứu. Các đặc điểm liên quan định khu các vùng não với rối nhiễu hành vi tương ứng là điều kiện, là thông tin bổ ích giúp cho các nhà trị liệu lựa chọn những phương pháp tác động phù hợp, giúp học sinh có cơ hội mau chóng trở lại học tập và sinh hoạt bình thường với cộng đồng lứa tuổi.♣

Chú thích

1. Điểm số càng cao thì kết quả càng kém (0 điểm là mức tốt nhất).

VIỆN TÂM LÝ HỌC...

(Tiếp theo trang 9)

Nhân văn Quốc gia và Viện Khoa học xã hội Việt Nam qua các thời kỳ, tới toàn thể các đồng chí cán bộ của Viện. Với niềm tự hào chính đáng, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin rằng, sau 5, 10 năm nữa, Viện chúng ta sẽ có bước trưởng thành vượt bậc, xứng đáng là một Viện nghiên cứu của Viện Khoa học xã hội Việt Nam và là một Viện nghiên cứu đầu ngành tâm lý học của cả nước. ♣

THỬ BÀN VỀ

TÂM LÝ NÔNG DÂN VIỆT

(Tiếp theo trang 20)

biết là nên đi đến đâu. Khởi nghĩa Tây Sơn, mà có lúc chúng ta đã vì tôn vinh mà gọi là cách mạng Tây Sơn, cũng không thể là cách mạng. Người ưu tú, rất vĩ đại như Nguyễn Huệ, cũng chỉ có cách là leo lên ngai vàng, lập lại chế độ phong kiến mà thôi. Câu chuyện bề quan toả cảng, mà ta qui tội cho triều Nguyễn thật ra chỉ vì cái tâm chiến lược của nông dân Việt Nam ta lúc đó bị hạn chế. Nông dân có khả năng trí thức hoá, nhưng thời đại ấy chưa cho nông dân được cái trí thức của tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa. Vấn đề còn được thấy cả ở thời kỳ hiện đại. Tiến hành cuộc cải cách ruộng đất Đảng đã phải đề ra chủ trương sửa sai. Cái sai này chính là do tư tưởng nông dân mà có. ♣